

Bản án số: 50/2021/HS-ST
Ngày 06 – 4 - 2021

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Tùng

Ông Trần Đình Đường

Bà Hoàng Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh – Thư ký Tòa án Nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân Dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 /4/2021, tại Trụ sở Toà án Nhân dân tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42 /2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo có họ và tên như sau:

1. Tôn Nữ Phương A; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 12 năm 1983 tại V, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khối 1, phường S, V, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; họ và tên cha: Tôn Thất L, sinh năm: 1960 (hiện đang làm việc và sinh sống tại nước A) và tên mẹ: Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm: 1962; A chị em ruột: có 03 A em, bị cáo là con đầu; chồng: Chu Quang H (đã ly hôn); con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014; hiện Chu Quang H và các con trú tại khối 2, phường S, V, tỉnh Nghệ An; chồng: Phan Văn G, sinh năm: 1985; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 05/12/2014 bị Tòa án nhân dân V, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 48 tháng về tội “*Đánh bạc*”, phạt tiền bổ sung 5.000.000đ (năm triệu đồng), đã chấp hành xong và được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2020 đến nay hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An – Có mặt tại phiên tòa.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Tôn Nữ Phương A:* Ông Phạm Kiêm T – Văn phòng Luật sư Trung Vinh – Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An – Có mặt.

- *Bị hại:* 1. Công ty TNHH du lịch và thương mại ViệtT

Địa chỉ số 142 đường Nguyễn Trãi, khối 02, phường H, V, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: A Hồ Viết H, sinh năm 1983, chức vụ Phó giám đốc - Có mặt.

2. A Hồ Viết H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khối 1, phường H, V, Nghệ An - Có mặt.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

1. A Trần Quốc L, sinh năm: 1966; địa chỉ: Khối 23, phường Lê L, V, tỉnh Nghệ An - Có mặt.

2. A Phan Văn G, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Khối 1, phường T, V, tỉnh Nghệ An - Có mặt

- *Người làm chứng:* A Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990. Có mặt

Địa chỉ: Xóm Xuân Châu, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tôn Nữ Phương A là người không có việc làm và thu nhập ổn định, do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, nên ngày 18 và ngày 21 tháng 3 năm 2020, Tôn Nữ Phương A đến Công ty TNHH du lịch và thương mại ViệtT, địa chỉ số 142 đường Nguyễn Trãi, khối 02, phường H, V, tỉnh Nghệ An gặp A Hồ ViếtH, sinh năm 1983, chức vụ Phó giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đặt vấn đề thuê xe ô tô tự lái. Sau khi trao đổi, hai bên thống nhất ký hợp đồng với nội dung Công ty TNHH du lịch và thương mại ViệtT cho Tôn Nữ Phương A thuê xe ô tô tự lái nhãn hiệu Mazda3 màu sơn trắng BKS: 37A- 672.63 và xe ô tô nhãn hiệu Nissan Navara, màu sơn trắng, BKS: 37C- 293.25. Sau khi thuê xe, Phương A đã đưa đi cầm cầm, sử dụng tài liệu giả của Cơ quan tổ chức để bán xe cho A Trần Quốc L lấy số tiền 585.000.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐGTS, ngày 28/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND tỉnh Nghệ An, kết quả định giá chiếc xe ô tô BKS: 37A- 672.63 có mức giá 510.000.000đ (năm trăm mười triệu đồng). (BL: 108, 109)

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐGTS, ngày 28/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND tỉnh Nghệ An, kết quả định giá chiếc xe ô tô BKS: 37C - 293.25 có mức giá là: 505.000.000đ (năm trăm linh năm triệu đồng). (BL: 110, 111)

Tại Bản kết luận giám định số: 436/KL-PC09 ngày 31/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: chữ viết, chữ ký trên “giấy ủy quyền” có xác nhận hình dấu của UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An do Tôn Nữ Phương A đưa cho A Trần Quốc L và chữ viết, chữ ký của Tôn Nữ Phương A là “do cùng một người viết và ký ra”; hình dấu trong “giấy ủy quyền” và hình dấu Cơ quan CSĐT công an tỉnh Nghệ An thu thập ngày 21/10/2020 tại UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An “không phải do cùng một con dấu đóng ra”. (BL: 116, 117)

Vật chứng của vụ án gồm:

- Các tài liệu, giấy tờ liên quan do bị hại, người có quyền L nghĩa vụ liên quan giao nộp.

- 01 thiết bị lưu trữ dữ liệu sử dụng bộ nhớ flash (USB) có nội dung ghi lại cuộc nói chuyện giữa bị can Tôn Nữ Phương A và vợ chồng A Trần Quốc L, chị Mai Thị Minh.

Tất cả các vật chứng nêu trên có trong hồ sơ vụ án, khi thu giữ đều được lập biên bản, niêm phong đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Hai xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 màu sơn trắng BKS: 37A- 672.63 và xe ô tô nhãn hiệu Nissan Navara, màu sơn trắng, BKS: 37C- 293.25, hiện tại chủ sở hữu hợp pháp đang quản lý, sử dụng. (BL: 87)

Về dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố bị can và gia đình đã khắc phục đầy đủ số tiền thuê xe cho bị hại là Công ty TNHH du lịch và thương mại ViệtT, đại diện hợp pháp A Hồ ViếtH. Bị hại không yêu cầu gì thêm về dân sự và đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can Tôn Nữ Phương A.

Bị can đã khắc phục được số tiền 109.000.000đ (một trăm lẻ chín triệu đồng), cho người liên quan là A Trần Quốc L. Còn lại 476.000.000đ (bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng) A L tiếp tục yêu cầu bị can phải hoàn trả.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-P2 ngày 03 tháng 2 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố Tôn Nữ Phương A về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo thừa nhận do nợ nần nên đã thuê 2 xe ô tô của AH với mục đích cầm cố lấy tiền tiêu xài và trả nợ.

Người bị hại A Hồ ViếtH trình bày: A cho bị cáo Phương A thuê 02 xe ô tô nêu trên, hợp đồng thuê xe 01 tháng mỗi xe, hết thời hạn thuê xe Phương A gọi điện gia hạn hợp đồng hằng ngày trả tiền xe thông qua tài khoản, A không biết bị cáo Phương A đưa thuê của A đi cầm cố, bán xe của A. A biết được xe ô tô Mazda 3 bị bán do A T là người mua xe nhờ A làm thủ tục sang tên. Sau khi biết xe ô tô của mình bị bán A đã làm đơn tố cáo bị cáo Phương A. Hiện tại 02 xe ô tô Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao cho A, tiền thuê xe đã thanh toán đầy đủ. A cho rằng bị cáo Phương A cầm 02 chiếc xe trên cho A L chứ không phải bán cho A L, A L tự ý bán xe của A.

Người liên quan A Trần Quốc L trình bày: Do vợ A là Mai Thị Minh quen biết bị cáo Phương A nên A đã cho Phương A vay tiền cụ thể như sau:

- Ngày 14/4/2020 A đã cho Phương A vay số tiền 150.000.000đ, Phương A thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Nissan Navara, màu sơn trắng BKS: 37C - 293.25 khi cầm cố Phương A đưa giấy tờ xe cho A xem và cam kết trong thời gian 15 ngày sẽ trả tiền vay và viết giấy vay tiền, sau 05 phút Phương A vay tiếp 20.000.000đ và viết thêm vào dưới giấy vay. Tổng cộng 170.000.000đ và A L đã gửi chiếc xe ô tô trên tại tầng hầm chung cư Euro window trước nhà mình. Đến hạn A L đã đòi nhiều lần nhưng Phương A chưa trả tiền cho A.

- Đầu tháng 5 năm 2020, Phương A có nói với A L hiện có chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda3, màu trắng xe còn mới và nói vợ chồng A L mua. Ngày 12/5/2020, Phương A điều khiển xe ô tô Mazda3 BKS 37A - 672.63 đến nhà A L và nói cần trước 200.000.000đ và bán chiếc xe này cho A L. A L yêu cầu xem giấy tờ, Phương A đã giao những giấy tờ sau: 01 đăng ký xe ô tô mang tên Hồ ViếtH; 01 giấy kiểm định; 01 giấy ủy quyền cho, bán, tặng thế chấp chiếc xe ô tô giữa Hồ ViếtH chủ xe với Phương A có xác nhận của UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên. Sau khi xem giấy tờ xong A L đồng ý mua chiếc xe và giao tiền trước cho Phương A 200.000.000đ. Đồng thời Phương A viết giấy bán xe cho A L và A L viết giấy hẹn theo yêu cầu của Phương A không được bán xe trong vòng hai tháng vì chưa lấy hết tiền, trừ khi Phương A không trả được tiền mới được bán xe. Ngày 13/7/2020 Phương A đến nhà A L để thống nhất bán chiếc xe ô tô trên với giá 415.000.000đ, A L nhất trí và hai bên viết giấy mua bán xe và giao số tiền còn lại và A L viết giấy hẹn trong thời gian 03 tháng không được bán xe ô tô trên. Sau khi bán xe khoảng 07 ngày A L bán chiếc xe trên cho A Nguyễn Văn T với giá

493.000.000đ và làm thủ tục viết giấy bán xe nêu trên cho A T. Ngày 20/7/2020 A T mang xe ô tô mới mua đến gặp AH nhờ làm thủ tục sang tên mới biết chiếc xe nêu trên Phương A thuê của AH nên AH giữ xe lại. A L đã trả tiền mua xe cho A T số tiền 493.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, A L yêu cầu Phương A trả cho A số tiền còn nợ là 476.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng truy tố về tội dA "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", đối với tội " Sử dụng con dấu tài liệu giả của cơ quan tổ chức" sau khi trA tụng Đại diện viện kiểm sát rút một phần cáo trạng và truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 341 BLHS .

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Tôn Nữ Phương A mức án từ 12 - 13 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; 06 - 09 tháng tù về tội "*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*". Tổng hợp hình phạt chung của tội buộc bị cáo Tôn Nữ Phương A chấp hành hình phạt chung từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 476.000.000đ (bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng) cho A Trần Quốc L.

Về vật chứng: Tài liệu kèm theo hồ sơ vụ án, nên được lưu trữ trong hồ sơ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đồng ý với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét về động cơ mục đích bị cáo lừa A L hay AH, trong vụ án này người bị thiệt hại về tài sản là A L. Đề nghị xác định lại người bị hại là A L và xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt là 476.000.000đ.

Về tình tiết giảm nhẹ nhất trí như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với luật sư: Trong vụ án này người bị thiệt hại trực tiếp về vật chất là công ty TNHH du lịch và thương mại ViệtT và A Hồ ViếtH và AH làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của bị cáo Phương A được quy định tại điều 62 BLTTHS. Đối với A Trần Quốc L các giao dịch giữa bị cáo và A L là các giao dịch trái pháp luật nên không được bảo vệ. Do đó qua trình điều tra và truy tố xác định người bị hại là công ty TNHH du lịch và thương mại ViệtT là đúng quy định của pháp luật.

Luật sư không đối đáp lại quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của luật sư, không có ý kiến gì trA luận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại trA luận: Sau khi vụ việc xảy ra biết được xe ô tô của mình cho thuê bị đem bán tôi đã làm đơn tố cáo lên Cơ quan điều tra, sau đó gia đình bị cáo liên lạc tôi đã rút đơn tố cáo đồng thời trong vụ việc này mục đích bị cáo đưa xe thuê của tôi đi cầm cố chứ không bán xe cho A L, A L tự ý lấy xe Phương A cầm cố đi bán là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp đối với người bị hại: Hành vi của bị cáo cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là lừa dối A thuê xe để đi lại nhưng không sử dụng đúng mục đích mà đưa đi cầm cố và bán cho A L nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của A và của Công ty TNHH du lịch và thương mại ViệtT được pháp luật bảo vệ. Các hành vi của bị cáo được thể hiện lừa dối thuê xe đi lại nhưng đưa đi cầm cố ngay sau khi gia hạn hợp đồng và thông qua giấy bán xe ngày 12/5/2020 bị cáo viết bán xe cho A L kèm theo giấy ủy quyền để bán xe cho A L chứ không phải là sau này. Khi biết tài sản của A bị xâm phạm A là người trực tiếp báo cơ quan điều tra để bảo vệ tài sản của A.

Người bị hại không trA luận thêm.

Người có quyền L nghĩa vụ liên quan : A Trần Quốc L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 476.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Tôn Nữ Phương A thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai nhận rằng: Do nợ nần nhiều người nên ngày 18/3 và ngày 21/3 năm 2020 bị cáo đã trực tiếp gặp A Hồ ViếtH thuê 3 ô tô tự lái trong đó có xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 màu sơn trắng BKS: 37A- 672.63 và xe ô tô nhãn hiệu Nissan Navara, màu sơn trắng, BKS: 37C- 293.25 nhằm mục đích cầm cố để lấy tiền tiêu xài và trả nợ cho một số cá nhân. Cụ thể cầm xe ô tô nhãn hiệu Nissan Navara, màu sơn trắng, BKS: 37C- 293.25 cho A Trần Quốc L lấy 170.000.000đ; Viết giấy bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 màu sơn trắng BKS: 37A- 672.63 với tổng số tiền 415.000.000đ. Để thực hiện được mục đích của mình Phương A đã sử dụng giấy ủy quyền cho bán, tặng thế chấp chiếc xe ô tô giữa A Hồ ViếtH chủ xe với Phương A có xác nhận của UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên với mục đích bán chiếc xe này cho A L để lấy tiền tiêu xài và trả nợ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐGTS, ngày 28/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND tỉnh Nghệ An, kết quả định giá chiếc xe ô tô BKS: 37A- 672.63 có mức giá 510.000.000đ (năm trăm mười triệu đồng). (BL: 108, 109)

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐGTS, ngày 28/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND tỉnh Nghệ An, kết quả định giá chiếc xe ô tô BKS: 37C - 293.25 có mức giá là: 505.000.000đ (năm trăm linh năm triệu đồng). (BL: 110, 111)

Tại Bản kết luận giám định số: 436/KL-PC09 ngày 31/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: chữ viết, chữ ký trên “giấy ủy quyền” có xác nhận hình dấu của UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An do Tôn Nữ Phương A đưa cho A Trần Quốc L và chữ viết, chữ ký của Tôn Nữ Phương A là “do cùng một người viết và ký ra”; hình dấu trong “giấy ủy quyền” và hình dấu Cơ quan CSĐT công an tỉnh Nghệ An thu thập ngày 21/10/2020 tại UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An “không phải do cùng một con dấu đóng ra”. (BL: 116, 117)

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa trong phần luận tội đã thay đổi một phần Cáo trạng đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo đối với tội dA *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo khoản 1 Điều 341 BLHS. Xét việc thay đổi Cáo trạng đối với khung hình phạt đối với tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo khoản 1 Điều 341 BLHS. Căn cứ khoản 3 Điều 341 BLHS với tình tiết định khung *"Sử dụng con dấu tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng"*. Thấy rằng, hành vi bị cáo dùng giấy ủy quyền giả của UBND thị trấn Hưng Nguyên để thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản nhưng hành vi giao dịch cầm cố, bán xe giữa A L và bị cáo là hành vi trái pháp luật nên không được pháp luật bảo vệ. Bị cáo dùng giấy ủy quyền giả để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên đã phạm tội *"Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức"* quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng Cơ quan tiến hành tố tụng xác định sai tư cách người tham gia tố tụng: Thấy rằng trong vụ án này người bị thiệt hại trực tiếp về tài sản là AH và Công TNHH ViệtT, bị cáo đã dùng thủ đoạn lừa dối thuê xe để đi nhưng thực chất bị cáo thuê xe để đi cầm cố và dùng giấy tờ giả mạo bán xe không thuộc sở hữu của mình là xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Riêng đối với A Trần Quốc L xác định là người liên quan do A L cho bị cáo cầm cố xe ô tô không thuộc sở hữu của bị cáo

nhưng vì hám L nên vẫn thực hiện, đối với hành vi mua xe ô tô Mazda 3 căn cứ thủ tục ủy quyền này chưa đủ căn cứ để mua bán xe nhưng A L vẫn thực hiện. Do A L và bị cáo Phương A thực hiện các giao dịch không tuân thủ các quy định của pháp luật nên không được pháp luật bảo vệ.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do đối tượng bị cáo chiếm đoạt là 02 chiếc xe ô tô của A Hồ ViếtH và Công ty TNHH ViệtT tổng giá trị tài sản 1.015.000.000đ nên bị cáo Tôn Nữ Phương A bị truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 1 Điều 341 BLHS là có căn cứ.

[2] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của A Hồ ViếtH và của Công ty TNHH du lịch ViệtT thông qua hành vi thuê xe ô tô của AH và Công ty TNHH du lịch ViệtT nhằm chiếm đoạt tài sản của những người này, sau đó bằng thủ đoạn giả mạo, sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức nhằm mục đích chiếm đoạt tài của họ. Bị cáo nhận thức rõ các tài sản bị cáo thuê của AH và của công ty TNHH ViệtT đến thời hạn trả nhưng cố tình không trả mà. Mục đích gia hạn hợp đồng để nhằm chiếm đoạt tài sản là 02 chiếc xe ô tô nêu trên là xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của AH và công ty ViệtT nhưng bị cáo dùng hành vi gian dối gia hạn hợp đồng để cố tình chiếm đoạt tài sản bằng hình thức đem xe đi cầm cố lấy tiền tiêu xài và bán xe không thuộc sở hữu của mình nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Hành vi này của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác và xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của các cơ quan nhà nước gây làm mất trật tự, trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử lý nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và tổng hợp hình phạt của 02 tội để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Tôn Nữ Phương A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi nhận tiền và bị khởi tố đã khắc phục toàn bộ tiền cho bị hại và một khoản tiền cho người liên quan. Phía bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại 02 chiếc xe ô tô và tiền thuê xe đầy đủ nên không yêu cầu.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là A Trần Quốc L yêu cầu bồi thường số tiền 476.000.000đ bị cáo Tôn Nữ Phương A đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả số tiền nêu trên cho A L. Xét thấy sự thỏa thuận của bị cáo tại phiên tòa là tự nguyện đúng quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo Tôn Nữ Phương A trả cho A L số tiền nêu trên.

[4] Về vật chứng :

- 01 thiết bị lưu trữ dữ liệu sử dụng bộ nhớ flash (USB) có nội dung ghi lại cuộc nói chuyện giữa bị can Tôn Nữ Phương A và vợ chồng A Trần Quốc L, chị Mai Thị Minh là tài liệu có trong hồ sơ được lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- Hai xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 màu sơn trắng BKS: 37A- 672.63 và xe ô tô nhãn hiệu Nissan Navara, màu sơn trắng, BKS: 37C- 293.25, hiện tại chủ sở hữu hợp pháp đang quản lý, sử dụng nên không xem xét (BL: 87).

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Tôn Nữ Phương A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp lệ và đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Tôn Nữ Phương A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Tôn Nữ Phương A 12 (Mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” ; 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Tôn Nữ Phương A phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là: 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/11/2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579 Bộ luật Dân Sự: Chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo tại phiên tòa buộc bị cáo Tôn Nữ

Phương A hoàn trả lại cho A Trần Quốc L số tiền 476.000.000đ (Bốn trăm bảy sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

T hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106, Điều 107 Bộ luật tố tụng Hình sự:

01 thiết bị lưu trữ dữ liệu sử dụng bộ nhớ flash (USB); Các tài liệu, giấy tờ liên quan do bị hại, người có quyền L nghĩa vụ liên quan giao nộp là tài liệu vụ án không phải là vật chứng nên được lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Tôn Nữ Phương A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 23.040.000đ (Hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân:

- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam Công an Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT Công an Nghệ An;
- Sở Tư pháp Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Người bào chữa;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Huy L

Trần Thị Mỹ Hải

Nguyễn Thị Hải Minh

Hồ Viết Tùng

Nguyễn Hồ Cảnh

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam Công an Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT Công an Nghệ An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Sở Tư pháp Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu.

để phục vụ nhu cầu đi lại. Sau khi thuê xe, Tôn Nữ Phương A đã đưa đi cầm cố, bằng hình thức sử dụng tài liệu giả, con dấu giả để lấy tiền trả nợ cho nhiều người và tiêu xài cá nhân. Cụ thể hành vi phạm tội như sau:

Hành vi thứ nhất:

L dụng mối quan hệ quen biết với chị Mai Thị Minh, sinh năm 1982, trú tại khối 23, phường S, V, tỉnh Nghệ An. Ngày 17/4/2020, Phương A đến nhà và đặt vấn đề với A Trần Quốc L (chồng chị Minh) vay số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) để giải quyết việc làm ăn. Phương A nói với A L sẽ mượn xe ô tô A trai của mình thế chấp cho khoản vay; đồng thời, Phương A dùng điện thoại di động gọi cho một người em trai (không nhớ rõ tên tuổi, địa chỉ) mang chiếc xe ô tô nhãn hiệu Nissan Navara, màu sơn trắng, BKS: 37C- 293.25 đến nhà A L. Phương A đưa giấy tờ xe cho A L xem và cam kết trong 15 ngày sẽ trả lại số tiền vay, A L đồng ý cho Phương A vay số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và đồng thời yêu cầu Phương A viết giấy vay tiền và ra về.

Khoảng 5 phút sau, Phương A trở lại gặp A L và nói cần thêm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) mới giải quyết được việc làm ăn. A L cho Phương A vay thêm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và yêu cầu Phương A viết thêm phần dưới giấy vay tiền lúc đầu, tổng số tiền vay hai lần là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Xe ô tô BKS: 37C- 293.25 do Phương A cầm cố, A L để tại tầng hầm chung cư Euro window trước nhà mình. Hết 15 ngày hẹn trả toán tiền nợ, A L đã nhiều lần liên lạc yêu cầu Phương A trả tiền và lấy xe về nhưng Phương A đưa ra nhiều lý do để trì hoãn việc trả nợ. (BL: 64, 69, 75 đến 80; 128 đến 259)

Hành vi thứ hai:

Đầu tháng 5/2020, Phương A nói với A L hiện tại Phương A đang có chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda3, màu trắng, xe còn mới và muốn bán, vợ chồng A L cần thì mua mà đi. A L nói với Phương A do xe không chính chủ nên không giám mua. Đến ngày 12/5/2020, Phương A điều khiển chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 màu trắng BKS: 37A- 672.63 đến nhà A L, gặp A L và nói hiện cần trước 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để làm ăn và muốn bán chiếc xe ô tô này. Phương A cho A L xem những giấy tờ liên quan đến xe gồm: 01(một) giấy đăng ký xe ô tô số: 113199

mang tên Hồ ViếtH, sinh năm 1983, trú tại khối 2, phường H, V, tỉnh Nghệ An; 01 (một) giấy kiểm định số: 1852286 biển đăng ký 37A- 672.63; 01(một) giấy ủy quyền cho bán, tặng, thế chấp chiếc xe ô tô giữa chủ xe A Hồ ViếtH với Tôn Nữ Phương A có xác nhận của UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (Giấy ủy quyền này Phương A khai nhận đã nhét được vào khoảng tháng 4 năm 2019, tại quán cà phê nơi Phương A thuê để kinh doanh doA thuộc xã Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Giấy ủy quyền không ghi nội dung, có chữ ký đề tên Dương Công Đồng và dấu tròn, màu đỏ có hình Quốc huy, Phương A tự mình ghi nội dung ủy quyền và các thông tin theo mẫu. Quá trình điều tra xác định phần xác nhận của bộ phận Tư pháp UBND thị trấn Hưng Nguyên không phải do bộ phận Tư pháp UBND thị trấn Hưng Nguyên viết và chữ ký trong giấy ủy quyền không phải do ông Dương Công Đồng - nguyên là phó chủ tịch UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An ký xác nhận). Sau khi xem giấy tờ xong A L đồng ý mua chiếc xe nhưng chưa thống nhất giá trị xe và giao trước cho Phương A 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), đồng thời yêu cầu Phương A viết giấy bán chiếc xe ô tô trên. Phương A và A L thỏa thuận: Phương A viết giấy bán xe ô tô cho A L, A L viết giấy hẹn trong vòng 02 (hai) tháng kể từ khi viết giấy bán xe, A L không được bán chiếc xe ô tô trên vì chưa lấy hết tiền, trừ khi Phương A không trả được tiền thì mới được quyền bán chiếc xe.

Ngày 13/7/2020, Tôn Nữ Phương A đến nhà A L trao đổi thống nhất bán chiếc xe ô tô trên với giá 415.000.000đ (bốn trăm mười lăm triệu đồng), A L đồng ý mua rồi làm thủ tục viết giấy mua bán xe và giao số tiền còn lại là 215.000.000đ (hai trăm mười lăm triệu đồng) cho Phương A. A L viết giấy hẹn cho Phương A sau 03 (ba) tháng mới được bán chiếc xe ô tô trên, vì Phương A nói bán chiếc xe quá rẻ, nếu có tiền sẽ chuộc lại.

Sau khi mua xe ô tô trên, A Trần Quốc L điều khiển xe đến gửi tại nhà A Mai Văn Hữu (em vợ chị Minh vợ A L), sinh năm 1992, trú tại khối 1, phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

Khoảng 7 ngày sau A L nhận được thông tin “Phương A bế nợ đang chạy trốn”. Lúc này, A L nhờ Mai Văn Hữu đăng lên mạng xã hội bán chiếc xe ô tô nêu trên vì nhu cầu gia đình chưa cần thiết sử dụng xe. Mai Văn Hữu đã đăng lên mạng xã hội Facebook “Mai Hữu” rao bán chiếc xe thì có A Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, trú tại xóm Xuân Châu, xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An sử dụng Facebook “Nguyễn T Everest” có nhu cầu mua xe và hẹn A Hữu vào V, tỉnh Nghệ An để xem xe.

Ngày 19/7/2020, sau khi nói với A L có người muốn mua chiếc xe ô tô và hẹn đến xem xe. A T và Hữu hạn gặp và cùng nhau đến nhà A L trao đổi việc mua bán xe ô tô BKS: 37A- 672.63. A L cho A T xem giấy tờ xe và một giấy tờ ủy quyền, A T hỏi về chủ chiếc xe xin số điện thoại và địa chỉ nhà của A Hồ ViếtH thì A Hữu nói “không có số, đã đến nhà nhưng không có ai ở nhà”. A L cam kết nếu có vấn đề gì liên quan đến giấy tờ thì trả lại xe, A L sẽ hoàn trả tiền đầy đủ. Sau khi trao đổi xong, A L, A Hữu, A T đi đến nhà A Hữu tại khối 1, phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An để xem xe. Sau đó A L và A T thống nhất giá bán chiếc xe ô tô là 493.000.000đ (bốn trăm chín mươi ba triệu đồng) và làm thủ tục viết giấy mua bán xe ô tô. A Nguyễn Văn T chuyển tiền qua tài khoản cho A L rồi điều khiển xe về nhà.

Ngày 20/7/2020, A T mang chiếc xe ô tô mới mua của A L đi dọn nội thất, đồng thời chụp ảnh đăng lên mạng xã hội Facebook “Nguyễn T Everest” của mình để bán, lúc này A T được một người bạn cho biết, chiếc xe ô tô trên là của A Hồ ViếtH - Phó giám đốc công ty cho thuê xe ô tô tự lái ở V, tỉnh Nghệ An. Qua mối quan hệ trước đó, A T đã gặp AH và có số điện thoại của nhau, A T liên lạc, hẹn gặp AH để mượn CMND của AH làm thủ tục sang tên đổi chủ giấy tờ xe. Khi gặp AH, qua trao đổi A T mới được biết chiếc xe này là do Tôn Nữ Phương A thuê xe tự lái của Công ty AH để đi lại, nên AH đã giữ chiếc xe ô tô lại. A T liên lạc, gặp A L để trao đổi về chiếc xe ô tô thì A L nói là mua lại xe của Phương A, A L không biết việc Phương A thuê xe tự lái của AH và A L đã trả lại số tiền 493.000.000đ (bốn trăm chín mươi ba triệu đồng) cho A T.

Sau khi sự việc xảy ra, Phương A gặp A L, thừa nhận rằng do túng thiếu quá nên mới lừa dối A L và hứa sẽ trả lại toàn bộ số tiền cho A L thời gian sớm nhất. Do sự việc phức tạp và nghi ngờ chiếc xe ô tô bán tải nhãn hiệu Nissan Navara, màu sơn trắng, BKS: 37C- 293.25 mà Phương A đã thế chấp cũng là xe thuê của người khác nên A L đã trả chiếc xe cùng giấy tờ liên quan cho Phương A. Sau khi nhận lại giấy tờ xe, Phương A đã liên lạc với Hồ ViếtH đến tầng hầm chung cư Euro window thuộc khối 23, phường S, V, tỉnh Nghệ An điều khiển xe về Công ty TNHH ViệtT.

Sau một thời gian không thấy Phương A trả tiền nợ, A L đã viết đơn tố cáo đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nghệ An để làm rõ sự việc, xử theo đúng quy định của pháp luật. (BL: 222 đến 226, 137, 158 đến 207, 208 đến 287)
Nguyễn Thị Hải Minh